ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN BA TƠ

*Phụ lục*

**TỔNG HỢP PHÂN BỔ VÀ GIẢI NGÂN VỐN**

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025**

*(Kèm theo Báo cáo số 83 /BC-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2025 của UBND thị trấn Ba Tơ)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| TT | Dự án, Tiểu dự án | Phân bổ vốn 2021 - 2025 | | | | | | Kết quả giải ngân vốn 2021 - 2025 ( tính đến 28/02/2025) | | | | | | Kết quả giải ngân vốn 2021 - 2025 (ước đến 31/3/2025) | | | | | | Nhu cầu vốn còn lại của năm 2025 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | NSTW | | | NSĐP | | | NSTW | | | NSĐP | | | NSTW | | | NSĐP | | | NSTW | | |
| | | Tổng số | ĐTPT | SN | Tổng số | ĐTPT | SN | Tổng số | ĐTPT | SN | Tổng số | ĐTPT | SN | Tổng số | ĐTPT | SN | Tổng số | ĐTPT | SN | Tổng số | ĐTPT | SN |
| | **TỔNG CỘNG** | **8.613,000** | **4.456,000** | **4.157,000** | **1.208,000** | **677,000** | **531,000** | **3.910,970** | **1.721,931** | **2.189,039** | **314,694** | **66,000** | **248,694** | **3.910,970** | **1.721,931** | **2.189,039** | **314,694** | **66,000** | **248,694** | **4.702,030** | **2.734,069** | **1.967,961** |
| **1** | **Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt** | **1.726,000** | **429,000** | **1.297,000** | **230,050** | **69,000** | **161,050** | **890,550** | **429,000** | **461,550** | **81,300** | **66,000** | **15,300** | **890,550** | **429,000** | **461,550** | **81,300** | **66,000** | **15,300** | **835,450** | - | **835,450** |
| **2** | **Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết** | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | - | - |
| **3** | **Dự án 3 Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị** | **964,000** | - | **964,000** | **133,900** | - | **133,900** | **816,643** | - | **816,643** | **117,394** | - | **117,394** | **816,643** | - | **816,643** | **117,394** | - | **117,394** | **147,357** | - | **147,357** |
| *3.1* | *Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân* | - | | | - | | | - | | | | | | | | | - | | | - | - | - |
| *3.2* | *Tiểu Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi* | **964,000** | | **964,000** | **133,900** | | **133,900** | **816,643** | | **816,643** | **117,394** | | **117,394** | **816,643** | | **816,643** | **117,394** | | **117,394** | **147,357** | - | **147,357** |
| **4** | **Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc** | **4.890,000** | **4.027,000** | **863,000** | **737,000** | **608,000** | **129,000** | **2.155,753** | **1.292,931** | **862,822** | **108,824** | | **108,824** | **2.155,753** | **1.292,931** | **862,822** | **108,824** | | **108,824** | **2.734,247** | **2.734,069** | **0,178** |
| *4.1* | *Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi* | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | - | - |
| **5** | **Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực** | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | - | - |
| *5.1* | *Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số* | - | | | - | | | - | | | | | | - | | | - | | | - | - | - |
| *5.2* | *Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số* | - | | | - | | | - | | | | | | - | | | - | | | - | - | - |
| *5.3* | *Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi* | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | - | - |
| *5.4* | *Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.* | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | - | - |
| **6** | **Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch** | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | - | - |
| **7** | **Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em** | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | - | - |
| **8** | **Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em** | **646,000** | | **646,000** | **69,050** | | **69,050** | **48,024** | | **48,024** | **7,176** | | **7,176** | **48,024** | | **48,024** | **7,176** | | **7,176** | **597,976** | - | **597,976** |
| **9** | **Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn** | **387,000** | | **387,000** | **38,000** | | **38,000** | - | | | - | | | - | | | - | | | **387,000** | - | **387,000** |
| *9.1* | *Tiểu Dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn* | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | - | - |
| *9.2* | *Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi* | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | - | - |
| **10** | **Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình** | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | - | - |
| *10.1* | *Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia* | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | - | - |

| TT | Dự án, Tiểu dự án | Phân bổ vốn 2021 - 2025 | | | | | | Kết quả giải ngân vốn 2021 - 2025 ( tính đến 28/02/2025) | | | | | | Kết quả giải ngân vốn 2021 - 2025 (ước đến 31/3/2025) | | | | | | Nhu cầu vốn còn lại của năm 2025 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | NSTW | | | NSĐP | | | NSTW | | | NSĐP | | | NSTW | | | NSĐP | | | NSTW | | |
| | | Tổng số | ĐTPT | SN | Tổng số | ĐTPT | SN | Tổng số | ĐTPT | SN | Tổng số | ĐTPT | SN | Tổng số | ĐTPT | SN | Tổng số | ĐTPT | SN | Tổng số | ĐTPT | SN |
| *10.2* | *Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi* | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | - | - |
| *10.3* | *Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình* | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | | | - | - | - |